

Khi nói hay viết về địa chỉ cụ thể thì sẽ nói địa chỉ cụ thể nhất trước (số nhà, số phòng, tòa nhà) rồi đến các địa phương từ đơn vị nhỏ nhất.

Ví dụ:

No. 22, Spring Building, Doan Ke Thien Street, Cau Giay District, Ha Noi City, Viet Nam

(Số 22, Tòa nhà Mùa Xuân, Đường Doãn Kế Thiện, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

tienganh.elight.edu.vn



Đối với địa phương có danh từ là số, bạn cần đặt sau các danh từ chỉ đường, phố.

Ví dụ:

Street 2

(Đường 2)

Ward 3

(Phường 3)

District 6

(Quận 6)



tienganh.elight.edu.vn



Nếu địa phương tên danh từ là chữ thì lại để lên trước danh từ chỉ đường, phố.

Ví dụ:

Nguyen Dinh Chieu Street
(Đường Nguyễn Đình Chiều)
Hai Ba Trung District
(Quận Hai Bà Trưng)
Ha Noi City
(Thành phố Hà Nội)



eLight

Số thứ tự của tên đường để lên đầu tiên.

Ví dụ:

43 Nguyen Chi Thanh Street 43 Đường Nguyễn Chi Thanh





MỘT SỐ TỬ VỰNG LIÊN QUAN ĐỂN ĐỊA CHÌ

Address - /'ædres/

Địa chỉ

Addressee – /¡ædre'siː/

Người nhận

Alley - /'æli/

Ngõ

Apartment – /əˈpɑːrtmənt/

Căn hộ

Building - /'bɪldɪŋ/

Tòa nhà

City - /'sɪti/

Thành phố





MỘT SỐ TỬ VỰNG LIÊN QUAN ĐỂN ĐỊA CHÌ

District - /'distrikt/

Quận, huyện

Hamlet - /'hæmlət/

Xóm, thôn

Lane - /leɪn/

Đường làng

Neighborhood - /'neibərhod/

Hàng xóm

Postal code – /'poʊstl koʊd/

Mã bưu điện

Province - /'prazvins/

Tinh





MỘT SỐ TỬ VỰNG LIÊN QUAN ĐỂN ĐỊA CHÌ

Room - /ruxm/

Phòng

State - /steit/

Bang

Street - /strixt/

Đường

Town - /taʊn/

Thị trấn, thị xã

Village – /'vɪlɪdʒ/

Làng, xã

Ward - /woxrd/

.Khụ

